TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05-8-2025
Về việc:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Xuân.
Các hội thẩm nhân dân: Lê Thế Kỳ và ông Nguyễn Như Tạ.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiên – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2025/TLST-HNGĐ ngày 14-4-2025, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18-7-2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

Bị đơn: Ông Phan Đức V, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày: Bà và ông Phan Đức V chung sống từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông ngày 29/9/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Ông bà không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nay bà nhận thấy không còn tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn xin được ly hôn với ông V.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông bà có 01 con chung là Phan Đức T, sinh ngày 12-4-2010. Hiện tại cháu đang sống cùng bà N. Nguyện vọng của bà N là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành và

không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Phan Đức V vắng mặt tại phiên tòa, vì ông V thường xuyên vắng nhà nên sau khi thụ lý đơn xin ly hôn của bà N, Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa đối với ông V theo đúng quy định của pháp luật, nhưng đến thời điểm này ông V vẫn vắng mặt.

Bà N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông V.

Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Đức T, sinh ngày 12-4-2010 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông V có quyền đi lại, thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp *(nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng)* giải quyết việc ly hôn của bà với ông Phan Đức V. Bị đơn là ông Phan Đức V có địa chỉ cư trú tại xã D (xã B cũ), tỉnh Lâm Đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.

[2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Ông Phan Đức V là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương thì được cung cấp thông tin sau: Ông Phan Đức V có đăng ký

thường trú tại thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Ông V đi làm mủ cao su nên thường xuyên vắng nhà. Do đó, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định pháp luật nhưng ông V vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Phan Đức V kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông ngày 29 tháng 9 năm 2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về sống chung, vợ chồng không hạnh phúc và ông bà đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Điều này chứng tỏ ông bà không còn thương yêu nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó bà N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông V là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4]. Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Phan Đức T, sinh ngày 12-4-2010. Hiện tại cháu đang sống cùng bà N. Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành và cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, Hội đồng xét tử xét thấy cần thiết giao cháu T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Ông V có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[7]. Xét quan điểm và đường lối xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ N là nguyên đơn phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Luật số: 85/2025/QH15 ngày

25/6/2025 của Quốc hội khóa 15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ N đối với ông Phan Đức V.

1. 1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn với ông Phan Đức V.

1. 2. Về con chung: Giao con chung Phan Đức T, sinh ngày 12-4-2010 cho bà Nguyễn Thị Mỹ N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết.

Việc thay đổi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại các Điều 107, 110 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003410 ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông *(nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng)*.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 – Lâm Đồng;
- UBND xã D, tỉnh Lâm Đồng
(đăng ký ngày 29/9/2009);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Xuân